

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 03 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khuyển
2. Ông Nguyễn Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/03/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1989, nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1990, nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình năm 2011. Quá trình vợ chồng chung sống từ khi kết hôn đến nay vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th hay rượu chè với bạn bè, về chửi bới vợ con. Gia đình anh Th đã hòa giải cho 2 vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 10 năm 2022, chị đã nộp đơn ly hôn anh Th ra tòa án nhưng vì anh Th hứa sẽ thay đổi nên chị lại rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng lại

tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Đề nghị tòa án cho chị được ly hôn anh Th.

Chị và anh Th có 02 con chung là cháu Lê Trà M, sinh ngày 09/05/2012, cháu Lê Thảo V, sinh ngày 15/09/2018. Khi chị nộp đơn xin ly hôn anh Th thì hai cháu vẫn sống cùng với anh Th, sau đó chị ra thuê nhà bên ngoài cùng ở thôn H thì hai cháu ra sống cùng chị cho đến nay, hàng tuần các cháu về ở với bố vài ngày. Bản thân chị là lao động tự do, buổi sáng bán hàng quần áo tại chợ N, thu nhập từ việc bán hàng khoảng 10 triệu đồng/tháng và buổi chiều đi làm thuê tại các nhà hàng trên địa bàn xã có thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng. Anh Th cũng là lao động tự do tại địa phương, làm cơ khí, thợ xây, thợ sơn, thu nhập khoảng 10 triệu đến 12 triệu đồng mỗi tháng. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Lê Thảo V, anh Th nuôi cháu Lê Trà M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

Ý kiến của bị đơn - anh Lê Văn Th: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo cho anh Th nhiều lần nhưng anh Th không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của con chung: Cháu Lê Trà M là con của anh Th, chị T có nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh của tòa án, đại diện chính quyền cơ sở tại địa phương thôn H, xã N cho biết: sau khi kết hôn, vợ chồng anh Th, chị T sống ở thôn H, xã N. Vợ chồng anh Th, chị T có mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết. Vợ chồng anh Th, chị T có 02 con chung là cháu Lê Trà M và Lê Thảo V hiện đang ở với anh Th, chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt khi tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: cho ly hôn giữa chị T và anh Th, giao cháu M cho anh Th và giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng. Anh Th, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: bị đơn - anh Lê Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thắng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh Th đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T, đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh Th không có ý kiến và không đến tòa án để làm việc cho thấy bản thân anh Th không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xác định ý kiến trình bày, các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp và kết quả xác minh của tòa án là căn cứ để giải quyết vụ án. Quá trình chung sống, vợ chồng anh Th, chị T phát sinh mâu thuẫn, chị T đã nộp đơn xin ly hôn anh Th vào năm 2022 sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ là đúng sự thật. Tuy nhiên, anh Th, chị T không khắc phục được mâu thuẫn, đến nay đã sống ly thân với nhau và cả hai đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân. Mâu thuẫn giữa anh Th, chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Th theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh Th, chị T có 02 con chung là cháu Lê Trà M, sinh ngày 09/05/2012, cháu Lê Thảo V, sinh ngày 15/09/2018. Anh Th, chị T đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc anh Th, chị T mỗi người trực tiếp nuôi một con chung, không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ, tuy nhiên HĐXX xét thấy cháu M sắp tròn 12 tuổi đã có nhận thức nhất định về cuộc sống, sinh hoạt trong khi cháu V chưa tròn 6 tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần giao cháu M cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Chị T, anh Th không có yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn Th và chị Trần Thị T.

2. *Về con chung*: giao cháu Lê Trà M, sinh ngày 09/05/2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Lê Thảo V, sinh ngày 15/09/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Th, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết, anh Th, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị T phải nộp 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002359 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị T đã nộp đủ.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Vũ Thị Kim Oanh